

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
KHOA CÔNG NGHỆ ỨNG DỤNG

ĐỀ THI, ĐÁP ÁN/RUBRIC VÀ THANG ĐIỂM
THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Học kỳ 1, năm học 2024-2025

I. Thông tin chung

Tên học phần:	Kiểm nghiệm mỹ phẩm			
Mã học phần:	71BCOS40072	Số tin chỉ:	02	
Mã nhóm lớp học phần:	241_71BCOS40072_01			
Hình thức thi: Tự luận		Thời gian làm bài:	60	phút
Thí sinh được tham khảo tài liệu:	☐ Có		☒ Không	

II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO1	Vận dụng tốt các nguyên lý của các phương pháp kiểm nghiệm các thành phần của mỹ phẩm theo quy định hiện hành.	Tự luận	40		4.0	PI3.4
CLO2	Vận dụng các kiến thức về kiểm nghiệm mỹ phẩm để đánh giá chất lượng các sản phẩm mỹ phẩm theo các tiêu chuẩn hiện hành.	Tự luận	40		4.0	PI4.4, PI5.1
CLO3	Vận dụng kỹ năng tìm kiếm đa dạng hóa các nguồn tài liệu về kiểm nghiệm mỹ phẩm theo các tiêu chuẩn ASEAN, EU, FDA..	Tự luận	20		2.0	PI7.2

III. Nội dung câu hỏi thi**Câu 1: (4.0 điểm)**

- a. Kiểm nghiệm mỹ phẩm là gì?
- b. Vì sao phải cần phải thực hiện kiểm nghiệm mỹ phẩm?

Câu 2: (4.0 điểm)

- a. Thường sử dụng phương pháp phân tích định lượng nào để phân tích hàm lượng các kim loại nặng trong mỹ phẩm?
- b. Theo TCVN 136343: 2023, sử dụng phương pháp nào để định tính và định lượng các chất màu bị cấm sử dụng trong mỹ phẩm?
- c. Lựa chọn các phương pháp sắc ký phù hợp để phân tích hợp chất làm trắng da (có nhiệt độ sôi khoảng $< 300^{\circ}\text{C}$) và hợp chất bảo quản (có nhiệt độ sôi khoảng $> 300^{\circ}\text{C}$) trong một loại kem dưỡng da.
- d. Liệt kê các chỉ tiêu kim loại nặng và giới hạn của nó trong sản phẩm mỹ phẩm theo Phụ lục số 06-MP của thông tư 06/2011/TT-BYT của Bộ Y tế quy định về quản lý mỹ phẩm ?

Câu hỏi 3: (2.0 điểm)

- a. Theo EU và ASEAN nồng độ tối đa cho phép của Zinc Oxide, (UV-Filters) trong các sản phẩm mỹ phẩm là bao nhiêu?
- b. Liệt kê các chỉ tiêu kim loại nặng và giới hạn của nó trong sản phẩm mỹ phẩm theo Phụ lục số 06-MP của thông tư 06/2011/TT-BYT của Bộ Y tế quy định về quản lý mỹ phẩm ?

..... **HẾT**

ĐÁP ÁP VÀ THANG ĐIỂM

Phần câu hỏi	Nội dung đáp án	Thang điểm	Ghi chú
I. Tự luận			
Câu 1		4.0	
Nội dung a.	- Kiểm nghiệm mỹ phẩm là quá trình đánh giá chất lượng, an toàn và hiệu quả của các sản phẩm mỹ phẩm trước khi chúng được phát hành và sử dụng rộng rãi trên thị trường. - Mục tiêu chính của quá trình kiểm nghiệm là đảm bảo rằng mỹ phẩm đáp ứng các tiêu chuẩn an toàn và chất lượng đã được đề ra, và không gây hại cho người sử dụng khi sử dụng theo hướng dẫn.	1.5	
Nội dung b.	-Theo “Thông tư số 06/2011/TT-BYT” của Bộ Y tế quy định, kiểm nghiệm mỹ phẩm được coi là yêu cầu bắt buộc của hồ sơ thông tin sản phẩm mỹ phẩm. - <i>Đảm bảo chất lượng mỹ phẩm:</i> Kiểm nghiệm mỹ phẩm giúp đánh giá các chỉ tiêu chất lượng của mỹ phẩm, bao gồm các chỉ tiêu về tính chất lý hóa, độ tinh khiết, độ nhiễm khuẩn, độ an toàn,... Kết quả kiểm nghiệm mỹ phẩm giúp đảm bảo mỹ phẩm đạt các tiêu chuẩn về chất lượng, an toàn cho người sử dụng. - <i>Bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng:</i> Kiểm nghiệm mỹ phẩm giúp phát hiện và ngăn chặn các sản phẩm mỹ phẩm kém chất lượng, không đảm bảo an toàn. Điều này giúp bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng, tránh mua phải mỹ phẩm gây ảnh hưởng đến sức khỏe. - <i>Hỗ trợ công tác quản lý nhà nước về mỹ phẩm:</i> Kiểm nghiệm mỹ phẩm là một trong những căn cứ để cơ quan quản lý nhà nước về mỹ phẩm thực hiện các hoạt động quản lý, kiểm tra, giám sát chất lượng mỹ phẩm. Kết quả kiểm nghiệm mỹ phẩm giúp cơ quan quản lý nhà	2.5	

	nước phát hiện và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về mỹ phẩm.. - Thúc Đẩy Sự Cạnh Tranh: Các sản phẩm mỹ phẩm an toàn và chất lượng có thể thúc đẩy sự cạnh tranh trong ngành và thúc đẩy sự phát triển bền vững của thị trường mỹ phẩm.														
Câu 2		4.0													
Nội dung a.	- Phương pháp Quang phổ hấp thụ nguyên tử (AAS).	0.5													
Nội dung b.	- Phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao (HPLC) đầu dò PDA	0.5													
Nội dung c	- Phân tích hợp chất làm trắng da: sử dụng GC-MS - Phân tích hợp chất bảo quản: sử dụng HPLC	1.0													
Nội dung d	- Tổng số vi sinh vật đếm được; - <i>P. aeruginosa</i> ; - <i>S. aureus</i> ; - <i>C. albicans</i> .	0.5 0.5 0.5 0.5													
Câu 3		2.0													
Nội dung a.	Zinc Oxide: 25%	0.5													
Nội dung b.	<table><tr><th>STT</th><th>Chỉ tiêu</th><th>Giới hạn</th></tr><tr><td>1</td><td>Thủy ngân</td><td>Nồng độ tối đa cho phép có trong sản phẩm mỹ phẩm là 1 phần triệu (1 ppm)</td></tr><tr><td>2</td><td>Asen</td><td>Nồng độ tối đa cho phép có trong sản phẩm mỹ phẩm là 5 phần triệu (5 ppm)</td></tr><tr><td>3</td><td>Chì</td><td>Nồng độ tối đa cho phép có trong sản phẩm mỹ phẩm là 20 phần triệu (20 ppm)</td></tr></table>	STT	Chỉ tiêu	Giới hạn	1	Thủy ngân	Nồng độ tối đa cho phép có trong sản phẩm mỹ phẩm là 1 phần triệu (1 ppm)	2	Asen	Nồng độ tối đa cho phép có trong sản phẩm mỹ phẩm là 5 phần triệu (5 ppm)	3	Chì	Nồng độ tối đa cho phép có trong sản phẩm mỹ phẩm là 20 phần triệu (20 ppm)	1.5	
STT	Chỉ tiêu	Giới hạn													
1	Thủy ngân	Nồng độ tối đa cho phép có trong sản phẩm mỹ phẩm là 1 phần triệu (1 ppm)													
2	Asen	Nồng độ tối đa cho phép có trong sản phẩm mỹ phẩm là 5 phần triệu (5 ppm)													
3	Chì	Nồng độ tối đa cho phép có trong sản phẩm mỹ phẩm là 20 phần triệu (20 ppm)													
	Điểm tổng	10.0													

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 11 năm 2024

Người duyệt đềGiảng viên ra đề

TS. Nguyễn Hữu Hùng

TS. Nguyễn Thị Thanh Tú